

ỦY BAN NHÂN DÂN
TH Nguyễn Việt Hồng

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN

TH Nguyễn Việt Hồng

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Nguyễn Trí Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Văn Vinh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Thị Hòa	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Vũ Thị Lan	Văn thư – Giáo vụ	Thư ký hội đồng	
5	Lâm Sơn	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Trần Vũ Ngọc Châu	Bí thư chi đoàn Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
7	Lương Hoàng Vy	Tổng phụ trách đội	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Hoàng Trâm	Tổ trưởng tổ chuyên môn khối 1	Ủy viên hội đồng	
9	Mai Thị Bích Thủy	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 2	Ủy viên hội đồng	
10	Đỗ Thị Hiếu Thảo	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 3	Ủy viên hội đồng	
11	Lê Thị Ánh Hồng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 4	Ủy viên hội đồng	
12	Đào Thụy Phương Uyên	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 5	Ủy viên hội đồng	

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
13	Huỳnh Thanh Thế Linh	Tổ trưởng Tổ Ngoại Ngữ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	
TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG	
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	
TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH	
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	
TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC	
Mở đầu	
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị	
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	
Tiêu chí 3.6: Thư viện	
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	
TIÊU CHUẨN 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI	

NỘI DUNG	Trang
Mở đầu	
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	
TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	
Mở đầu	
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG				
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường		X	X	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác		X	X	-
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường		X	X	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng		X	X	X
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học		X	X	-
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản		X	X	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên		X	X	-
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục		X	X	-
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở		X	X	-
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn		X	X	-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
trường học				
Kết luận về Tiêu chuẩn 1				
TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH				
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng		X	X	X
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên		X	X	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên		X	X	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh		X	X	X
Kết luận về Tiêu chuẩn 2				
TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC				
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập		X		
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập		X		
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị		X	X	
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước		X	X	-
Tiêu chí 3.5: Thiết bị		X	X	
Tiêu chí 3.6: Thư viện		X	X	X
Kết luận về Tiêu chuẩn 3				
TIÊU CHUẨN 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI				
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường		x	x	
Kết luận về Tiêu chuẩn 4				
TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC				
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường		x	x	-
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học		x	x	
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác		x	x	
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học		x	x	x
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục		x	x	x
Kết luận về Tiêu chuẩn 5				

Kết quả: Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng

Tên trước đây (nếu có): Trường Tư Thục Thánh Mẫu

Cơ quan chủ quản: ủy ban nhân dân

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương		Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Trí Dũng
Huyện/quận /thị xã / thành phố		Điện thoại	098 3388937
Xã / phường/thị trấn		Fax	không
Đạt chuẩn quốc gia		Website	http://thnguyenviethong.hcm.edu.vn
Đạt chuẩn KĐCLGD		Số điểm trường	1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1992	Loại hình khác	Không
Công lập	X	Thuộc vùng khó khăn	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không		
Trường liên	Không		

kết với nước ngoài	
---------------------------	--

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 1	06	06	05	05	04
Khối lớp 2	06	06	06	05	05
Khối lớp 3	05	06	06	06	06
Khối lớp 4	05	05	06	06	06
Khối lớp 5	06	05	05	06	06
Cộng	28	28	28	28	27

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

STT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0
01	Phòng học	28	28	28	28	27
a	Phòng kiên cố	28	28	28	28	27
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
02	Phòng học bộ môn	02	02	02	02	02

STT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
03	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01
a	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính – quản trị	06	06	06	06	06
01	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06
02	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
03	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0
Cộng		39	39	39	39	39

3. Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 8 năm 2023

Số liệu	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	00	01	

Số liệu	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	00	01	01	
Giáo viên	38	32	02	00	38	00	
Nhân viên	09	06	00	08	01	00	
Cộng	50	39	02	08	40	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

STT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số giáo viên	40	40	40	38	38
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,42	1,42	1,42	1,42	1,42
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	05	01	01	08	06
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	00	01
6	Các số liệu khác	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

STT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
-----	---------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------

STT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	900	861	818	784	690	
	Nữ	426	401	375	375	329	
	Dân tộc thiểu số	26	32	26	26	26	
	Khối lớp 1	169	172	145	143	120	
	Khối lớp 2	213	159	160	136	138	
	Khối lớp 3	172	209	149	156	137	
	Khối lớp 4	155	169	201	151	156	
	Khối lớp 5	191	152	163	198	149	
2	Tổng số tuyển mới	00	00	00	00	00	
3	Học 02 buổi / ngày	900	861	818	784	00	
4	Bán trú	771	740	652	650	00	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh / lớp học	32,1	30,8	29,2	29	28	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	99,6%%	99,8%	99,9%	99,9%	99,9%	
	Nữ	426%	401%	375%	368%	00%	
	Dân tộc thiểu số	11%	11%	09%	09%	09%	
8	Tổng số học sinh giỏi quốc	00	00	00	00	00	

STT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
	gia						
9	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	31	19	15	14	15	
	Nữ	28	16	09	09	09	
	Dân tộc thiểu số	005	03	05	05	05	
10	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	007	05	05	05	05	
11	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
12	Lưu ban	00	00	00	00	02	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	0%	0%	0%	0%	0%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	0%	0%	0%	0%	0%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0%	0%	0%	0%	0%	

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0%	0%	0%	0%	0%	

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1. Tình hình chung của nhà trường

Trước năm 1992, Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng mang tên Trường tư thực Thánh Mẫu. Ngày 27 tháng 8 năm 1992, trường được Ủy ban nhân dân Quận 3 ra Quyết định thành lập Trường Phổ thông cấp 1 Nguyễn Việt Hồng. Năm 1999, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng.

Trường tọa lạc tại số 292/9 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường gồm: 31 phòng học, 01 phòng thư viện, thiết bị, 01 phòng hội đồng, 01 phòng tư vấn cha mẹ học sinh, 01 phòng ăn, 01 nhà bếp và một số phòng chức năng khác.

Trường có tổng diện tích 3095 m² gồm một trệt, năm tầng lầu. Các phòng học, phòng chức năng đủ ánh sáng tự nhiên, được trang bị đèn quạt. Hai cầu thang được bố trí ở đầu và cuối mỗi dãy phục vụ tốt cho việc đi lại, thoát hiểm. Phòng vệ sinh dành riêng cho nam, nữ tạm đảm bảo việc giữ gìn vệ sinh cá nhân cho các em.

Nhà trường luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh ổn định, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kỹ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn và có nâng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm phát triển của cả nước. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn phát triển bền vững, tạo được niềm tin trong cộng đồng và xã hội. Trong quá trình thành lập và phát triển, nhà trường đạt thành tích: “Tập thể lao động tiên tiến” nhiều năm liền.

Các giá trị truyền thống của trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng:

Xây dựng tốt khối đoàn kết nội bộ, vượt qua mọi khó khăn, thời cơ, thách thức; không ngừng sáng tạo, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phấn đấu từng bước đưa nhà trường tiếp cận với mô hình trường tiên tiến hiện đại.

Thực hiện tốt các chủ trương chính sách xã hội hoá giáo dục của thành phố, của Đảng và Nhà nước; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất ổn định, khang trang, sạch đẹp, hiện đại.

Sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường

Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường thân thiện, kỷ cương, chất lượng tốt, hiệu quả cao để mỗi học sinh phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ. Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục tích cực, tiên tiến để các em chủ động tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống; có khả năng thích ứng với xã hội và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn

Xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng trở thành môi trường giáo dục thân thiện, tích cực, chất lượng cao; là nơi để gia đình và xã hội đặt trọn niềm tin; học sinh yêu thích trong học tập và rèn luyện; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không ngừng nỗ lực, sáng tạo và vươn lên.

2. Mục đích tự đánh giá

2. Mục đích tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường xác định đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng để cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường tiểu học không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã triển khai đầy đủ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học đến Hội đồng sư phạm nhà trường, yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân cùng phối hợp thực hiện:

Hội đồng tự đánh giá nhà trường được thành lập theo Quyết định số 54/QĐ-NVH ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng, Quận 3 gồm 13 thành viên.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ:

Ngày 10 tháng 10 năm 2022: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022 đến 17 tháng 10 năm 2022: Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 đến 01 tháng 12 năm 2022: Thu thập, xử lý và phân tích, mã hóa các minh chứng.

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến 15 tháng 12 năm 2022: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí, viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Từ ngày 16 tháng 12 năm 2022 đến 30 tháng 01 năm 2023: Viết báo cáo tự đánh giá.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023: Công bố báo cáo tự đánh giá để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên góp ý.

Từ ngày 08 tháng 02 năm 2023 đến 20 tháng 02 năm 2023: Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi được góp ý.

Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, nhà trường tiến hành đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan quản lý trực tiếp.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Mở đầu:

Trường Tiểu Nguyễn Việt Hồng được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban nhân dân Quận 3. Nhà trường có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng; Hội đồng trường gồm 13 thành viên; Chi bộ Đảng gồm 16 đảng viên, tổ chức Công đoàn gồm 67 công đoàn viên, tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng.

Nhà trường có đủ cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Nhà trường chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hệ thống tổ chức nhà trường gồm Hội đồng giáo dục, Hội đồng thi đua khen thưởng, Ban tư vấn... Các tổ chức và bộ phận hoạt động, phối hợp chặt chẽ với nhau dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

Trong từng năm học, nhà trường đều có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học đúng chỉ thị, sát thực tiễn, phù hợp đặc điểm tình hình của địa phương; quản lý chặt chẽ các hoạt động giáo dục, phong trào thi đua, an ninh trật tự và an toàn cho học sinh trong trường học. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng chủ động trong xây dựng kế hoạch hoạt động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 có sự tham gia đóng góp của hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu của giáo dục tiểu học được quy định tại Luật giáo dục và phù hợp với tình hình cơ sở vật chất của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện trong văn bản “Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường” được lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 phê duyệt vào ngày 01 tháng 10 năm 2023 [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được niêm yết công khai trên website <http://thnguyenviethong.hcm.edu.vn>. [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trong từng năm học như: Giám sát chất lượng trong hoạt động dạy và học; tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học,... từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra những biện pháp khả thi, điều chỉnh những biện pháp chưa đạt hiệu quả trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 3:

Định kỳ hằng năm, nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện nhà trường. Việc tổ chức, xây dựng và thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhưng chưa được sự tham gia của cha mẹ học sinh [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu của giáo dục tiểu học, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tình hình cơ sở vật chất, tài chính của đơn vị.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức, xây dựng và thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, chủ tịch Hội đồng trường phân công giáo viên chủ nhiệm lớp tiếp tục phổ biến đến cha mẹ học sinh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng để hoàn thành kế hoạch chiến lược vào cuối năm 2025.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng được công nhận theo Quyết định số 56/QĐ-GDDT ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3. Hằng năm, vào đầu mỗi năm học hiệu trưởng ra quyết định thành lập các Hội đồng khác như: Hội đồng Thi đua khen thưởng; Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; Hội đồng coi và chấm kiểm tra định kì; Hội đồng xét duyệt học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học; Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường gồm có 13 thành viên: Trong đó hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng trường, Hội đồng trường họp định kỳ công khai kế hoạch, sơ kết, đánh giá các mặt công tác, công bố kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và họp đột xuất để giải quyết những vấn đề phát sinh. Hội đồng thi đua khen thưởng họp định kỳ để xây dựng và đánh giá việc thực hiện nội dung định kì hoặc cần thiết họp đột xuất giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện thi đua, khen thưởng của nhà trường theo quy định tại Điều 12 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]

c) Cuối học kì và cuối năm học, các hội đồng đều có rà soát, đánh giá, bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu thi đua hằng năm. Tuy nhiên, một số thành viên trong hội đồng thi đua, khen thưởng chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng trong nhà trường hoạt động hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thúc đẩy và đưa chất lượng dạy - học ngày càng đi lên.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong hội đồng thi đua, khen thưởng chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng lựa chọn các thành viên trong các hội đồng là những người hăng hái tích cực đóng góp ý kiến và đưa ra các giải pháp mang tính khả thi cao để xây dựng nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban chấp hành công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022 được công nhận theo Quyết định số 31/QĐ-LĐLĐ-Q3 ngày 23 tháng 9 năm 2017 do Liên đoàn Lao động ra quyết định. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 04 đoàn viên dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng tổ chức mọi hoạt động cho đoàn viên, nhất là hướng dẫn Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện các

hoạt động. Trường có thành lập Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

b) Ban chấp hành công đoàn phát huy tốt vai trò của mình trong nhà trường chăm lo tốt cho đời sống và quyền lợi chính đáng của cán bộ giáo viên, nhân viên. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt định kì theo quy định [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

c) Hằng năm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã rà soát, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng có 16 đảng viên (chính thức 14 đồng chí; dự bị 02 đồng chí). Tất cả đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảng viên; Trong 05 năm liên tiếp (từ năm 2018 đến năm 2022) chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-12]; [H1-1.3-14]; [H1-1.3-15].

b) Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường trong các năm qua đều có đóng góp tích cực cho các hoạt động, giúp nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh. Tuy nhiên, tổ chức Chi đoàn hoạt động chưa phong phú [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Mức 3:

a) Tổ chức chi bộ Đảng trong nhà trường từ năm 2018 đến năm 2022 đều được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-15].

b) Những năm qua, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đều hoạt động theo quy định, có hiệu quả và đóng góp rất lớn cho hoạt động của đơn vị.

2. Điểm mạnh

Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường hoạt động có hiệu quả trong việc chỉ đạo và phối hợp giáo dục. Năm 2022, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Chi đoàn tổ chức các hoạt động chưa phong phú, đa dạng vì số lượng đoàn viên trong trường ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Bí thư Chi bộ sẽ phân công đảng viên chỉ đạo, kiểm tra, định hướng các hoạt động của Chi đoàn và phân công các thành viên trong nhà trường hỗ trợ Chi đoàn trong các hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng thực hiện chức năng tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường theo Điều 20, Điều 21 Điều lệ Trường tiểu học, hiệu trưởng được điều động về theo Quyết định số 6169/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3. Phó hiệu trưởng 01 được điều động về theo Quyết định 6172/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và phó hiệu trưởng 02 được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 2714/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3. Hiện nay phó hiệu trưởng 02 đã hoàn thành lớp thạc sĩ Quản lý giáo dục [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

b) Trường có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, mỗi tổ đều có tổ trưởng theo Điều 14 và Điều 15 Điều lệ Trường tiểu học. Các tổ chuyên môn từ tổ khối Một đến tổ khối Năm đều có 06 thành viên, tổ Anh văn có 08 giáo viên; tổ Văn phòng có 09 thành viên gồm 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư chuyên trách phổ cập, 01 Y tế, 03 phục vụ và 02 bảo vệ [H1-1.4-04].

c) Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động chung của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần theo đặc trưng của từng tổ được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề chuyên môn để nâng cao chất lượng hoạt động trong nhà trường [H1-1.4-06].

b) Hằng tháng, theo quy định, tổ chuyên môn, bộ môn và văn phòng tổ chức sinh hoạt 02 lần/ tháng để đánh giá hoạt động của tổ và đưa ra kế hoạch điều chỉnh trong thời gian tới [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong các năm qua đã đóng góp trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động trong nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết tổ hằng năm [H1-1.4-08].

b) Trong các năm qua, tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, việc vận dụng chuyên đề vào hoạt động dạy học thực tế giữa các giáo viên chưa được đồng bộ [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Hằng năm, cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Việc vận dụng chuyên đề vào hoạt động dạy học thực tế giữa các giáo viên chưa được đồng bộ nên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tăng cường kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy của giáo viên thông qua công tác thăm lớp, dự giờ, tham gia sinh hoạt tổ khối chuyên môn để đề xuất các giải pháp hiệu quả để hỗ trợ cho giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*

- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có đủ các khối lớp học từ lớp 01 đến lớp 05 [H1-1.5-01].
- b) Trường thực hiện theo chương trình VNEN nên mỗi lớp có 01 Chủ tịch hội đồng tự quản, 02 phó chủ tịch hội đồng tự quản, nhóm trưởng và nhóm phó do học sinh bầu chọn [H1-1.5-02].
- c) Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh thực hiện việc tự quản trong giờ học, giờ sinh hoạt, đảm bảo nguyên tắc dân chủ thông qua việc giáo viên tạo điều kiện cho học sinh phát biểu ý kiến, tham gia tự đánh giá mình và đánh giá bạn [H1-1.5-03].

Mức 2:

- a) Tính đến thời điểm đánh giá, trường có 28 lớp [H1-1.5-01].
- b) Trường có 786 học sinh, lớp có sĩ số cao nhất là 35 em và lớp có sĩ số thấp nhất là 24 em [H1-1.5-04]. Địa phương có số lượng học sinh tạm trú đông nên có nhiều học sinh chuyển đi, chuyển đến.
- c) Trong năm học, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên thay đổi luân phiên hội đồng tự quản, các ban và các nhóm trưởng, nhóm phó để các em có cơ hội thể hiện mình [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Tổ chức lớp học được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Sĩ số mỗi lớp không quá 35 học sinh, có đủ các khối lớp từ lớp 01 đến lớp 05.

3. Điểm yếu

Địa phương có số lượng học sinh tạm trú đông nên có nhiều học sinh chuyển đi, chuyển đến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng triển khai đến giáo viên chủ nhiệm vận động phụ huynh học sinh cho con em học suốt năm để giảm trường hợp học sinh chuyển đi, chuyển đến nhiều trong năm học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Trường tiểu học như sổ đăng bộ; sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh; học bạ của học sinh; sổ nghị quyết; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; sổ khen thưởng; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, sổ đăng ký công văn đi, sổ đăng ký công văn đến [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc lập dự toán, thu - chi ngân sách, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất. Nhà trường thực hiện việc công khai tài chính qua các buổi họp hội đồng và niêm yết ở phòng hành chính. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.2-04]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

c) Nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định hiện hành về quản lý tài chính, tài sản để lập kế hoạch thu chi tài chính trong nhà trường; công tác thu - chi tài chính đúng mục đích, tài sản được sử dụng hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-10].

Mức 2:

a) Giáo viên cập nhật đầy đủ danh sách học sinh trên hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo vào đầu năm học (<http://truong.hcm.edu.vn>), ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đổi mới công tác quản lý, sử dụng phần mềm EPMIS, IMAS 8.0, cổng thông tin điện tử C1 và công tác báo cáo số liệu thống kê chất lượng giáo dục tiểu học đảm bảo chính xác, kịp thời [H1-1.6-11].

b) Hằng năm, Phòng Tài chính của Quận đều kiểm tra công tác kế toán của trường và không có vi phạm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường [H1-1.6-12].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục theo đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các năm qua, nhà trường đã quản lý, sử dụng hiệu quả về tài chính, tài sản để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng lập kế hoạch trung và dài hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên dựa trên thực trạng trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ và sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo về phát triển đội ngũ [H1-1.7-01].

b) Nhà trường có kế hoạch phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, phù hợp đề án vị trí việc làm và tình hình thực tế tại đơn vị [H1-1.7-02]; [H1-1.5-01].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, được tạo điều kiện để tham gia giảng dạy, giáo dục học sinh; được hưởng đầy đủ các quyền lợi về: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, định mức tiết dạy, chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm qua việc sắp xếp giáo viên dạy đúng, đủ số tiết; giải quyết nghỉ phép đúng quy định [H1-1.7-03].

Mức 2:

Hằng năm, hiệu trưởng có đề ra biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên thông qua việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, việc thực hiện các biện pháp để phát huy năng lực của nhân viên chưa hiệu quả, nhân viên chỉ mới thực hiện nhiệm vụ được giao, chưa cải tiến trong công việc [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp giữa trình độ và đảm bảo mục tiêu của nhà trường.

Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên được thực hiện thường xuyên, chất lượng giáo dục được nâng cao qua từng năm.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện các biện pháp để phát huy năng lực của nhân viên chưa hiệu quả, nhân viên chỉ mới thực hiện nhiệm vụ được giao, chưa cải tiến trong công việc

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng xây dựng các biện pháp, tăng cường triển khai các chuyên đề, sáng kiến đề đội ngũ nhân viên tham gia học tập, phát triển năng lực.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, căn cứ theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, học kì, tháng, tuần; có phương hướng phát triển từng thời kì; có biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ [H1-1.1-03].

b) Nhà trường tổ chức giảng dạy đủ các môn học theo quy định, đồng thời thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 896/BGDĐT-GDTH ngày 13 tháng 02 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học; Công văn số 7975/BGDĐT-GDTH ngày 10 tháng 9 năm 2009 về việc hướng dẫn dạy học môn thủ công, kỹ thuật

ở tiểu học; Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông, thông qua ý kiến thống nhất của đa số cha mẹ học sinh [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá và đề ra phương hướng điều chỉnh phù hợp, kịp thời [H1-1.4-08].

Mức 2:

Cán bộ quản lý đề ra kế hoạch, kiểm tra, đánh giá để nâng cao hoạt động giáo dục thông qua việc lập kế hoạch, hỗ trợ và phân công giáo viên thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường các năm qua đạt hiệu quả. Hoạt động kiểm tra, đánh giá trong nhà trường các năm qua thực hiện có hiệu quả nhưng đôi lúc còn chậm theo kế hoạch [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục, chất lượng các hoạt động giáo dục của trường ngày được nâng cao.

3. Điểm yếu

Hoạt động kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường đôi lúc còn chậm so với kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng thực hiện kiểm tra các hoạt động giáo dục trong nhà trường đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế trong nhà trường đảm bảo nguyên tắc dân chủ [H1-1.9-01]. Nhà trường thực hiện có hiệu quả những quy định trong Luật Giáo dục, Thông tư 01 của Bộ nội vụ ngày 13 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 04 theo phương châm “*Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra*” và Thông tư 36/2017/BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện “*3 công khai, 4 kiểm tra*”; thực hiện có hiệu quả các quy định trong Bộ Luật Lao động và Luật Công đoàn 2012 [H1-1.9-02].

b) Hiệu trưởng kịp thời giải quyết thỏa đáng kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh nên những năm qua, nhà trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị [H1-1.9-05].

Mức 2:

Nhà trường đề ra các biện pháp chỉ đạo, rà soát kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm đối với các hoạt động giáo dục trong quá trình tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết. Kế hoạch giáo dục của trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Qua quá trình kiểm tra, một vài giáo viên chưa linh hoạt, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân theo định hướng phát triển năng lực học sinh. [H1-1.9-06]; [H1-1.9-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở, nhiều năm học qua trường không có xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo cũng như đơn thư nặc danh.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên chưa linh hoạt, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn tăng cường đề xuất các biện pháp sáng tạo để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, Ban An toàn trường học của nhà trường thực hiện nghiêm túc các kế hoạch về công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng chống thương tích trong nhà trường nhằm đảm bảo sức khỏe cũng như điều kiện sinh hoạt, học tập, ăn uống cho các em học sinh một cách tốt nhất. Nhà trường phối hợp với địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, cổng trường thông thoáng, sạch đẹp, luôn kiểm tra định kỳ các thiết bị điện, thiết bị phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02];

[H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Có công khai lịch tiếp công dân. Trường có phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.9-04]; [H1-1.10-01].

c) Nhiều năm qua, nhà trường thực hiện đạt hiệu quả cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, không phân biệt kỳ thị học sinh khuyết tật học hòa nhập, không vi phạm giới, không có tình trạng bạo lực học đường. Nhà trường luôn tạo điều kiện ưu tiên chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo các quyền lợi về học tập đối với những học sinh khuyết tật học hòa nhập [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh đều được nghe phổ biến vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Công tác truyền thông của nhân viên y tế và Tổng phụ trách

Đội trong nhà trường chưa phong phú để thu hút học sinh [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10]; [H1-1.10-11]; [H1-1.10-12]; [H1-1.10-13]

b) Nhiều năm học qua, nhà trường đều tổ chức tuyên truyền và giáo dục nâng cao ý thức, ngăn chặn những biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường cho học sinh. Đối với một số học sinh cá biệt, giáo viên chủ nhiệm chủ động trong việc trao đổi thông tin với gia đình học sinh để uốn nắn, điều hướng các em vào phong trào của lớp, tránh sự phân biệt đối xử [H1-1.10-14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các yêu cầu về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội. Nhà trường phối hợp tốt với cơ quan chức năng địa phương đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Khả năng tuyên truyền của nhân viên y tế và Tổng phụ trách Đội trong nhà trường còn hạn chế nên chưa thu hút học sinh chăm chú lắng nghe.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên y tế và Tổng phụ trách Đội đưa ra các hình thức tuyên truyền hiệu quả để thu hút học sinh lắng nghe và thực hiện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

- Điểm mạnh nổi bật

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các tổ chức đều hoạt động có hiệu quả và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Trường tiểu học.

Trường có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định, có quyết định bổ nhiệm của các cấp có thẩm quyền.

Trường thực hiện quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định.

Thực hiện nghiêm túc các quy định trong Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường theo Thông tư 01 của Bộ nội vụ ngày 13 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 04.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách và sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng đối tượng; thủ tục và hồ sơ pháp lý đảm bảo thực hiện đúng theo văn bản hiện hành; việc lập dự toán, thực hiện thu chi quyết toán và báo cáo tài chính đầy đủ, đảm bảo đúng quy trình.

Những năm qua, nhà trường đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn trường học.

- Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

Giáo viên trẻ mới ra trường nhiều nên kinh nghiệm còn hạn chế.

Kết quả đánh giá các tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đáp ứng được các yêu cầu cơ bản theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng. Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học đạt mức tốt.

Giáo viên, nhân viên có tư tưởng ổn định, nhiệt tình trong công tác, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Số lượng học sinh đảm bảo yêu cầu về số lớp, sĩ số bình quân 30 học sinh /lớp. Các em ngoan, năng động, tự tin trong học tập; tích cực tham gia các hoạt động phong trào.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ số lượng theo hạng trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02];

[H1-1.4-03].

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tiểu học [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiện nay 01 Phó hiệu trưởng đã học xong thạc sĩ lớp Quản lý giáo dục [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong những năm qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của nhà trường được đánh giá theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường tiểu học đạt tốt [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, có bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, được tập thể giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trong nhà trường đều được đánh giá theo quy định Chuẩn hiệu trưởng đạt tốt [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Lãnh đạo nhà trường nhiệt tình trong công tác; được tập thể giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trong năm qua được đánh giá đạt loại tốt.

3. Điểm yếu

Còn một phó hiệu trưởng chưa tham gia học nâng cao trình độ (thạc sĩ)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi về thời gian cho một phó hiệu trưởng còn lại theo học lớp thạc sỹ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 29 giáo viên nhiều môn, 02 giáo viên bộ môn, 01 Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (kiêm nhiệm), 07 giáo viên tiếng Anh đảm bảo đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học [H1-1.5-01].

b) 100% giáo viên của trường đang thực hiện lộ trình đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01]. Giáo viên tiếng Anh chưa có đủ chứng chỉ B2 để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành giáo dục.

c) 100% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên và có phẩm chất đạo đức tốt; chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có năng lực chuyên môn vững vàng; có trách nhiệm trong công tác, hết lòng vì học sinh [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo đáp ứng đúng lộ trình đến năm 2030 [H2-2.2-01].

b) Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm 2021-2022 đạt mức khá từ 97.6% trở lên [H2-2.2-02].

c) Trong năm học vừa qua, giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ và không có giáo viên nào bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên của trường trên chuẩn trình độ đào tạo chưa đạt 65% theo yêu cầu [H2-2.2-01].

b) Trong những năm học qua, trường luôn đạt kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp với tỷ lệ 100% từ mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 97,7 % từ mức tốt và ít nhất 2,3 % đạt mức Khá [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức học tập nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Giáo viên tiếng Anh của trường chưa có đầy đủ chứng chỉ B2 để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục.

Tỷ lệ giáo viên của trường trên chuẩn trình độ đào tạo chưa đạt 65% theo yêu cầu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng sẽ giao cho phó hiệu trưởng thống kê trình độ giáo viên để làm cơ sở hỗ trợ và tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng chuẩn trình độ theo yêu cầu cần đạt.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Số lượng nhân viên của trường đủ để thực hiện các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.5-01].
- b) Việc phân công, sử dụng nhân viên công khai, phù hợp với số lượng và trình độ nhân sự của nhà trường [H1-1.5-01]; [H2-2.3-01].
- c) Đội ngũ nhân viên nhà trường luôn tích cực trong công tác, chịu khó học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, chủ động trong công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên của trường đảm bảo theo quy định, trường có 09 nhân viên gồm: 01 kế toán, 01 y tế, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 01 thư viện - thiết bị (giáo viên kiêm nhiệm), 02 nhân viên bảo vệ và 03 nhân viên phục vụ [H1-1.5-01].
- b) Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn; các nhân viên bảo vệ và phục vụ còn hạn chế về trình độ học vấn [H1-1.5-01]; [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhân viên của trường đều được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng vị trí việc làm được phân công. [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhân viên có trình độ chuyên ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu công việc và chất lượng theo yêu cầu tại Điều 30 của Điều lệ Trường tiểu học. Đội ngũ nhân viên nhà trường luôn tích cực trong công tác, chịu khó học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, chủ động trong công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ và phục vụ còn hạn chế về trình độ học vấn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng sẽ xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo điều kiện nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, công tác tiếp nhận trẻ vào học lớp Một đúng độ tuổi đạt tỷ lệ 100%, danh sách học sinh được cập nhật đầy đủ và chính xác vào sổ đăng bộ của nhà trường. Nhà trường đảm bảo quy định về tuổi học sinh, không có học sinh học sớm, trễ tuổi theo quy định [H1-1.6-01]; [H2-2.4-01].

b) Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm đúng theo Điều 41, Điều 43 của Điều lệ Trường tiểu học. Tuy nhiên, vẫn còn một vài học sinh chưa có ý thức tự phục vụ, tự quản. [H2-2.4-02]

c) Học sinh đến tuổi đi học được học đúng tuyến, được học tập chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục qui định và các chương trình bổ trợ, ngoại khóa, câu lạc bộ do trường tổ chức nhằm phát triển toàn diện về năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Nhà trường chăm lo tốt cho học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các em được hỗ trợ nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H1-1.10-07]; [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04].

Mức 2:

Học sinh vi phạm nội quy được Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở nên có chuyển biến tích cực sau khi được giáo dục [H1-1.10-14].

Mức 3:

Học sinh có thành tích cao trong học tập, trong các phong trào cấp trường, cấp Quận, cấp Thành phố (Nét vẽ xanh, thể dục thể thao, tin học, tiếng Anh...) được tuyên dương khen thưởng trước toàn trường nên các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, nét vẽ xanh,... ngày có nhiều học sinh tham gia và đạt được nhiều giải cao trong năm qua [H1-1.6-05].

2. Điểm mạnh

Học sinh của nhà trường đều học đúng độ tuổi; các em thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền của học sinh tiểu học; được chăm sóc, bảo vệ và đối xử bình đẳng, được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất an toàn để học tập và rèn luyện, các quyền lợi hợp pháp.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một vài học sinh chưa có ý thức tự phục vụ, tự quản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thực hiện tốt công tác chủ nhiệm trong công việc giáo dục học sinh phát triển toàn diện mọi mặt về phẩm chất và năng lực.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

- Điểm mạnh nổi bật

Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất và năng lực lãnh đạo, đạt các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn. Giáo viên có ý thức tự học, tự rèn, có tinh thần trách nhiệm đối với học sinh.

100% học sinh thực hiện tốt 5 nhiệm vụ học sinh tiểu học, được học tập và tham gia tất cả các hoạt động tập thể, được hưởng các quyền theo quy định.

- Điểm yếu cơ bản

Giáo viên tiếng Anh của trường chưa có đầy đủ chứng chỉ B2 để đáp ứng yêu cầu của ngành.

Kết quả đánh giá các tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường luôn chú trọng sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước, đầu tư cơ sở vật chất - trang thiết bị phục vụ việc dạy và học có hiệu quả.

Trường có hàng rào bao quanh, cổng trường, biển tên trường và môi trường xanh, sạch, đẹp. Nhà trường có đủ phòng học và phòng chức năng, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý và dạy học.

Thư viện nhà trường được công nhận Thư viện tiên tiến. Trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh được trang bị theo quy định, đầy đủ theo từng môn học.

Trường có sân chơi, khu vệ sinh riêng cho giáo viên, học sinh, có hệ thống tự hoại, hệ thống cấp, thoát nước theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

- a) *Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*
- b) *Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khuôn viên riêng biệt, cơ sở vật chất khang trang, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thoáng mát và tạo sự gần gũi, thân thiện góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường có 01 cổng chính và 01 cổng phụ bằng sắt chắc chắn, cổng chính của trường có biển tên trường rõ ràng, trang nhã, dễ đọc; cổng phụ làm lối thoát hiểm. Khuôn viên của trường có hàng rào bảo vệ bằng tường xây đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ đúng quy định tại Khoản 3, Điều 45 của Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

c) Trường có sân chơi, sân tập thể dục thể thao bằng phẳng, đảm bảo cho việc vui chơi, luyện tập và an toàn cho học sinh [H3-3.1-04].

Mức 2:

a) Diện tích bình quân khuôn viên, sân chơi, sân tập cho 01 học sinh chưa đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

b) Diện tích sân chơi, sân tập nhỏ hẹp chưa đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-04].

Mức 3:

Trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng, khuôn viên trường được trồng cây xanh, cây bóng mát [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có tường rào bao quanh, đảm bảo an ninh, có nhiều cây xanh tạo cảnh quan mát mẻ an toàn, môi trường học thân thiện. Sân trường thuận lợi để tổ chức các ngày hội và tạo điều kiện cho học sinh vui chơi thoải mái.

3. Điểm yếu

Diện tích bình quân khuôn viên, sân chơi, sân tập cho 01 học sinh chưa đạt chuẩn theo quy định.

Diện tích sân chơi, sân tập nhỏ hẹp chưa đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục kiến nghị lãnh đạo có kế hoạch cải tạo sân trường, mở rộng sân chơi, tạo điều kiện cho trường tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh dưới sân.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 30 phòng học với 28 lớp. Diện tích các phòng học đảm bảo xây dựng đúng quy cách [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

b) Bàn, ghế của học sinh là bàn ghế rời, loại 01 - 02 chỗ, đúng tiêu chuẩn, số lượng bàn ghế đảm bảo đủ chỗ cho 70% học sinh ngồi; mỗi lớp học đều trang bị 01 bộ bàn ghế cho giáo viên và 01 bảng lớp theo quy định. Các lớp sử dụng loại bảng từ chống lóa nền xanh, kích thước 3,6 m x 1,2 m theo đúng quy định, đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Mỗi lớp học đều được trang bị hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ, đảm bảo phòng học thoáng, đủ ánh sáng, thuận lợi cho việc dạy và học [H1-1.6-09]; [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Mỗi phòng học đều có diện tích 50m² và được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 46 của Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.2-01].

b) Tủ đựng thiết bị dạy học được trang bị đủ cho các lớp và có đủ các thiết bị dạy học phù hợp, được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-05].

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh đảm bảo theo quy định của Thông tư liên tịch 26/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường có các phòng dạy ngoại ngữ, Tin học; không có phòng học riêng biệt để dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật; không có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu. [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Quy cách phòng học đảm bảo quy định. Phòng học được trang bị đủ bàn, ghế và các trang thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có phòng học riêng biệt để dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật; không có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng sẽ lên kế hoạch điều chỉnh số lượng học sinh trong một lớp cho phù hợp (35 học sinh/lớp) để có dư phòng cho môn Âm nhạc và Nghệ thuật.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khôi phòng phục vụ học tập và khôi phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 01 phòng Tin học, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng Thư viện - Thiết bị giáo dục đáp ứng đủ các yêu cầu trong hoạt động giáo dục [H3-3.3-01].

b) Khối hành chính gồm 01 phòng hiệu trưởng và 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng họp hội đồng, 01 phòng hội trường, 01 phòng kế toán, 01 phòng văn thư. Trường có 01 phòng bảo vệ đảm bảo yêu cầu cho nhân viên trực, bảo vệ tại cổng trường. Trường có 01 phòng y tế thoáng mát, 02 giường, máy nước nóng lạnh, máy vi tính và tủ đựng hồ sơ vị trí thuận lợi, trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo danh mục thuốc y tế [H3-3.1-01]; [H3-3.3-02].

c) Nhà trường có nhà xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo theo quy định. Trường có 01 nhà ăn phục vụ tốt cho học sinh bán trú tại trường đảm bảo an toàn, vệ sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.3-04].

b) Nhà trường có tủ lưu trữ hồ sơ, tài liệu dùng chung, sổ quản lý tài sản, sổ kiểm tra tài sản hàng năm [H1-1.6-09]; [H3-3.3-05].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường nhưng bố trí trong phòng chưa được hợp lý và khoa học [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các phòng học và phòng chức năng tối thiểu phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

3. Điểm yếu

Trong khối phòng hành chính, nhân viên bố trí vật dụng, thiết bị chưa được khoa học, ngăn nắp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên trong nhà trường sắp xếp và bố trí khối phòng hành chính khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 02 khu vệ sinh dành riêng cho nam - nữ, giáo viên, nhân viên, 06 khu vệ sinh dành cho học sinh được bố trí từ tầng trệt đến lầu 02 đảm bảo mỹ quan; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập, các công trình vệ sinh đều đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01]

b) Trường có hệ thống thoát nước xung quanh trường theo thiết kế đảm bảo không ngập nước và đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong những năm qua, trường sử dụng nguồn nước sinh hoạt đáp ứng nhu cầu sử dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nguồn nước uống là nước đóng chai cho học sinh và giáo viên đảm bảo vệ sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Trường có khu vực tập kết rác, từng dãy lầu có trang bị thùng rác để học sinh và giáo viên sử dụng. Trường có hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác hằng ngày và có hợp đồng với trạm y tế Phường 10, Quận 3 để xử lý chất thải độc hại theo qui định đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Tất cả các khu vệ sinh trong trường đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, có trang bị quạt, cây xanh, luôn sạch và thoáng mát [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Hệ thống thoát nước được thiết kế xung quanh trường theo đúng bản thiết kế. Trường có ký hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác hằng ngày, có hợp đồng với trạm y tế Phường 10 để xử lý chất thải độc hại theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên, hệ thống thoát nước từ lâu chưa được nạo vét, sửa chữa [H3-3.1-01]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Khu vực nhà vệ sinh của giáo viên, nhân viên, học sinh sạch sẽ, thuận tiện, an toàn và phù hợp với cảnh quang nhà trường theo quy định. Nguồn nước sử dụng đảm bảo.

3. Điểm yếu

Hệ thống thoát nước từ lâu chưa được nạo vét, sửa chữa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng làm tờ trình xin Ủy ban nhân dân Quận 3 cho sửa chữa lại hệ thống thoát nước.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động trong nhà trường như: 01 máy photocopy, 08 máy in, 08 máy vi tính để bàn đều được kết nối internet, 07 máy tính xách tay và 01 bộ máy chiếu phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy [H1-1.6-08].

b) Nhà trường trang bị đủ cho mỗi giáo viên có 01 bộ đồ dùng dạy học theo danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trường có 100% giáo viên được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, văn phòng phẩm theo danh mục tối thiểu. Hằng năm, thư viện có bổ sung sách, thiết bị theo nhu cầu biến động của từng khối lớp. Có 100% giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp, không có tình trạng giáo viên dạy chay, đa số giáo viên biết sử dụng thiết bị dạy học hiện đại như máy chiếu, bảng tương tác thông minh, giáo án điện tử [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm nhân viên thiết bị có kiểm kê, sửa chữa bổ sung thiết bị dạy học bằng kinh phí ngân sách, bằng quỹ sự nghiệp và xã hội hóa nhằm đảm bảo việc nâng cao hiệu quả giáo dục [H3-3.5-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ máy tính được kết nối Internet để phục vụ trong công tác quản lý và hoạt động dạy học, các phòng bộ môn đều có máy tính được kết nối mạng. Trường có một phòng Tin học với 40 bộ máy tính được kết nối mạng và các

thiết bị dạy học hiện đại như bảng tương tác, máy chiếu, tivi phục vụ việc dạy học [H1-1.6-08]; [H3-3.5-05].

b) Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị dạy học theo quy định tại Khoản 2, Điều 46 của Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.6-08].

c) Hằng năm, nhà trường đều có bổ sung thiết bị dạy học; tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học trong giáo viên nhằm tăng cường, đa dạng hóa đồ dùng dạy học, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy [H3-3.5-03].

Mức 3:

Một số giáo viên lớn tuổi nên việc sử dụng các thiết bị hiện đại còn hạn chế. Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm chủ yếu là các thẻ từ, bảng biểu nên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đầu tư đúng mức trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học.

Trường có phòng vi tính, có máy chiếu, bảng tương tác phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên lớn tuổi nên việc sử dụng các thiết bị hiện đại chưa tốt. Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm chủ yếu là các thẻ từ, bảng biểu nên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng tham mưu với Phòng giáo dục để đầu tư trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại và nâng cao hiệu quả hội thi làm đồ dùng dạy học để có các thiết bị dạy học tự làm tốt phục vụ việc dạy học.

Động viên các giáo viên lớn tuổi tiếp tục học cách sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại để phục vụ công tác.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, thư viện nhà trường trang bị đủ số lượng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, báo và tạp chí theo danh mục tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H3-3.6-01].

b) Thư viện có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng nhằm phục vụ hoạt động dạy và học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thư viện mở cửa

thường xuyên phục vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Trường có thư viện phục vụ tốt cho bạn đọc trong các giờ chơi, giờ nghỉ giữa hai buổi học [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

c) Thư viện kiểm kê sách hằng năm theo qui định, thường xuyên bổ sung kịp thời các loại đầu sách, báo, tạp chí phục vụ nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện trường đạt chuẩn và được đánh giá dựa trên 05 tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quyết định số 01/2003/QĐ/BGD&ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện nhà trường được đánh giá Thư viện Tiên tiến. Thư viện được trang bị máy tính, tivi kết nối internet, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hiện nay, công nghệ thông tin phát triển, giáo viên tra cứu trên điện thoại nhanh và thuận tiện nên số giáo viên đến thư viện đọc sách không nhiều [H3-3.6-08]; [H3-3.6-09].

2. Điểm mạnh

Thư viện trường đạt Thư viện Tiên tiến.

Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt cho nhu cầu đọc sách của giáo viên, học sinh trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Số giáo viên đến thư viện đọc sách còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện nhà trường nâng cao chất lượng các hoạt động thư viện để đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh để giáo viên đến tra cứu ngày nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

- Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu hoạt động dạy - học và giáo dục theo đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

Nhà vệ sinh đủ số lượng, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, hệ thống nước đủ cung cấp cho sinh hoạt hằng ngày.

Hàng năm, thư viện được tu bổ thiết bị, bổ sung sách báo, tài liệu tham khảo,...đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và giảng dạy của giáo viên.

- Điểm yếu cơ bản

Sân chơi hẹp hạn chế trong việc tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh dưới sân.

Kết quả đánh giá các tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

TIÊU CHUẨN 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Mở đầu:

Để đạt được hiệu quả hoạt động giáo dục, ngoài sự nỗ lực không ngừng của nhà trường có phần đóng góp không nhỏ từ sự ủng hộ về tinh thần và vật chất của cha mẹ học sinh. Nhà trường đã liên hệ mật thiết cha mẹ học sinh thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp.

Thông qua Hội nghị cha mẹ học sinh và qua các buổi sinh hoạt định kỳ, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất về kế hoạch hoạt động giáo dục,

về phương án nhằm thúc đẩy hoạt động giáo dục nhà trường (đầu tư về trang thiết bị phục vụ giảng dạy, khen thưởng học sinh, chăm sóc, quan tâm đội ngũ nhà trường...).

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong từng năm học, Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường được thành lập qua Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh qui định bởi Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Hằng năm, Ban đại diện Cha mẹ học sinh đều có báo cáo hoạt động của năm học trước và đề ra phương hướng hoạt động [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện Cha mẹ học sinh họp định kỳ 03 lần/năm để triển khai kế hoạch, tuyên truyền dưới nhiều hình thức để tăng cường thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về mục tiêu giáo dục tiểu học. Ban đại diện Cha mẹ học sinh thực sự phát huy được quyền chủ động của mình khi chung tay giúp nhà trường thực hiện các công trình cha mẹ học sinh như: khen thưởng, khuyến học, hỗ trợ phong trào, trang trí trường lớp, trồng thêm cây xanh, làm vườn trường, vận động học sinh bỏ học ra lớp. Trong các cuộc họp định kì, vẫn còn một vài phụ huynh chưa sắp xếp thời gian để tham gia họp ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường, họp cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]

Mức 2:

Nhà trường luôn phối hợp với Ban đại diện để đưa ra kế hoạch hoạt động cho cả năm học: hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khen thưởng cho học sinh.... Trong các cuộc họp đầu năm học giáo viên chủ nhiệm luôn phổ biến rộng rãi về Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 về đánh giá học sinh, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục để phụ huynh nắm về mục tiêu và kế hoạch giáo dục. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức đoàn thể về kế hoạch tuyển sinh, vận động trẻ ra lớp đúng độ tuổi cũng như không có học sinh bỏ học [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-06].

Mức 3:

Hằng năm, Ban đại diện Cha mẹ học sinh đã phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường về việc lập kế hoạch hoạt động xuyên suốt năm học và cùng giáo viên giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh học chậm; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động học sinh không bỏ học [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện Cha mẹ học sinh có tâm, có lòng nhiệt huyết luôn quan tâm đến đầu tư cơ sở vật chất cũng như khen thưởng, khuyến khích các hoạt động của học sinh.

3. Điểm yếu

Còn một vài phụ huynh chưa sắp xếp thời gian để tham gia các hoạt động của Ban đại diện, họp cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh; duy trì và nâng cao chất lượng các buổi họp giữa cán bộ quản lý với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, giữa giáo viên chủ nhiệm và Cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, các lực lượng giáo dục khác ngoài xã hội về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp và huy động 100% số học sinh đúng độ tuổi vào lớp Một. Nhà trường cùng với công an xã thực hiện tốt quy chế phối hợp về an ninh, trật tự [H4-4.1-06]; [H4-4.2-01].

b) Vào đầu năm học, giáo viên tuyên truyền sâu rộng trong cha mẹ học sinh về trách nhiệm của gia đình và xã hội trong công tác giáo dục của nhà trường, trách nhiệm đối với tương lai con em mình. Nhà trường đã triển khai đến phụ huynh Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 về đánh giá học sinh tiểu học nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục [H4-4.1-04].

c) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân huy động các nguồn lực đóng góp tạo nguồn quỹ khuyến học để chăm lo cho học sinh [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia, giúp nhà trường hoàn thành các mục tiêu giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo. Hằng năm, Chi bộ có kế hoạch phát triển đảng viên và kế hoạch thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh [H1-1.1-01]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

b) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao, các nội dung giáo dục khác như sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức cho học sinh xem biểu diễn nghệ thuật, biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao,... Chi đoàn nhà trường cùng với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức cho học sinh tham gia chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, thăm viếng Bà mẹ Việt Nam anh hùng vào những ngày lễ lớn trong năm như 27/7, 22/12,...[H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07]; [H1-1.3-08].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, huy động có hiệu quả các nguồn lực cùng góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, chăm lo, khen thưởng học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh đạt thành tích nổi bật.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các đoàn thể, cá nhân của địa phương nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

- Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh có sự liên hệ chặt chẽ, hoạt động hiệu quả.

Nhà trường phối hợp tốt và nhận được sự hỗ trợ tích cực của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

- Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa có kế hoạch đề tham mưu với cấp ủy Đảng để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận.

Kết quả đánh giá các tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng quy định về chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng. Đội ngũ giáo viên tích cực trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tốt khả năng tự giác, tích cực chủ động học tập của học sinh. Hằng năm, trường luôn đạt các chỉ tiêu được giao; kết quả giáo dục ổn định và có chiều hướng phát triển đi lên.

Trường tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý việc học tập các môn văn hoá cũng như việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các tiết dạy bộ môn và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; luôn quan tâm đến công tác phổ cập giáo dục tiểu học, tạo mọi điều kiện để tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học trong địa bàn đều được đến trường.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch công tác giáo dục tiểu học của các cấp quản lý, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học theo đúng quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01].

b) Các kế hoạch được xây dựng đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục và được triển khai cụ thể trong các buổi họp hội đồng sư phạm, Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; cụ thể hóa ở buổi họp chuyên môn trường, sinh hoạt chuyên môn tổ [H1-1.4-05]; [H5-5.1-02].

c) Các kế hoạch hoạt động giáo dục được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của trường, của lớp đều được cơ quan có thẩm quyền xác nhận [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Các kế hoạch về chuyên môn của nhà trường xây dựng đều bám sát theo các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 và cập nhật kịp thời các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01].

b) Các quy định về chuyên môn của nhà trường được phổ biến, công khai đến giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng,...thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, họp cha mẹ học sinh và các buổi họp giao ban ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân và tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch của nhà trường. Tuy nhiên, việc phối hợp thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường với cha mẹ học sinh và cộng đồng chưa đạt được hiệu quả cao do một số cha mẹ học sinh hiện nay chưa quan tâm đến việc học của con em mình nên việc phối hợp với nhà trường chưa được thường xuyên. [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường hàng năm được xây dựng đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, kế hoạch đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 3 phê duyệt vào đầu mỗi năm học và được phổ biến công khai.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phổ biến, tuyên truyền các quy định về chuyên môn đến phụ huynh học sinh kịp thời hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, dạy đúng đủ các môn học, đúng chương trình, đúng kế hoạch, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT và thông tư 32/2018 Chương trình giáo dục phổ thông [H5-5.2-01]; [H1-1.8-01].

b) Tất cả giáo viên đều thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Giáo viên được bồi dưỡng các chuyên đề giảng dạy theo phương pháp phát huy tính tích cực chủ động cho học sinh trong học tập [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

c) Trong buổi họp tổ chuyên môn đầu mỗi năm học, lãnh đạo nhà trường triển khai Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 về đánh giá học sinh đến toàn thể giáo viên trong nhà trường nên giáo viên thực hiện tốt việc đánh giá học sinh [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Thực hiện văn bản 9832/BGDĐT-GDTH về hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học lớp 1,2,3,4,5; Công văn 896/BGDĐT-GDTH về việc hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học; Văn bản 5842/BGDĐT-VP về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; xếp thời khóa biểu phù hợp với tâm sinh lý của học sinh và tình hình tổ chức giảng dạy của trường. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ khối, cá nhân xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh học chậm; bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu một cách hợp lý và có hiệu quả, đảm bảo học sinh lên lớp đúng chất lượng [H5-5.2-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường chưa tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể, chi tiết và được tổ chức thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng học sinh trong nhà trường. Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục, tích cực vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phát huy năng lực, phẩm chất phù hợp từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp, tổ chức các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;*
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*
- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngoài kế hoạch giáo dục, mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục khác theo chủ điểm hàng tháng [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với các hình thức đa dạng phong phú và phù hợp với điều kiện nhà trường như văn nghệ, thể dục thể thao, chơi trò chơi, múa hát tập thể và các cuộc thi giúp cho học sinh có dịp thể hiện năng khiếu, kiến thức, sự hiểu biết, sự nhanh trí, thông minh, tính tập thể, tính kỷ luật, rèn luyện thể lực, được hoạt động thoải mái và vui vẻ [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

c) Trường đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tạo không khí sôi nổi thu hút được tất cả học sinh tham gia, các cuộc thi học sinh tham gia mang tính tập thể như rước đèn trung thu, văn nghệ, hội thi kể chuyện theo sách, giải thể thao học sinh cấp trường, nét vẽ xanh,...[H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Tất cả các hoạt động giáo dục trong nhà trường đề ra được các bộ phận triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]; [H1-1.3-08].

Mức 3:

Trường có tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhưng nội dung và hình thức tổ chức chưa phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng các kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp phong phú về nội dung và hình thức hoạt động, tổ chức thực hiện có hiệu quả và phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, thu hút được tất cả học sinh tham gia. Thông qua các hoạt động giáo dục đã giúp học sinh có ý thức tập thể, tinh thần đồng đội, tình yêu quê hương, đất nước.

3. Điểm yếu

Trường có tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhưng nội dung và hình thức tổ chức chưa phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh nên học sinh tham gia chưa đông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổng phụ trách đội tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với điều kiện nhà trường. Các hoạt động có nội dung và hình thức tổ chức phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh để học sinh tham gia đông hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tích cực cùng với địa phương xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục hằng năm để huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp Một và vận động học sinh bỏ học trở lại lớp [H5-5.4-01].

b) Nhà trường kết hợp với hội đồng giáo dục Phường 10 huy động 100% số học sinh đúng độ tuổi trong tuyển vào lớp Một. Tuy nhiên, hội đồng giáo dục Phường 10 điều tra số học sinh trong địa bàn đi học tại các trường khác còn chưa kịp thời [H4-4.1-06].

c) Trường lưu trữ đầy đủ hồ sơ theo quy định như: sổ theo dõi phổ cập giáo dục tiểu học, sổ theo dõi tình hình học sinh, các văn bản chỉ đạo về công tác phổ cập của địa phương, các kế hoạch giáo dục phổ cập [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

Nhà trường kết hợp với hội đồng giáo dục Quận 3 huy động 100% số học sinh đúng độ tuổi trong tuyển vào lớp Một [H2-2.4-01].

Mức 3:

Nhà trường kết hợp với hội đồng giáo dục Quận 3 huy động 100% số học sinh đúng độ tuổi trong tuyển vào lớp Một [H2-2.4-01].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường đều phối hợp với chính quyền địa phương đề ra kế hoạch rà soát và thực hiện đầy đủ nội dung phổ cập giáo dục tiểu học đúng tiến độ thời gian; thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học, không có học sinh bỏ học.

3. Điểm yếu

Hội đồng giáo dục Phường 10 điều tra số học sinh trong địa bàn đi học tại các trường khác còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng phân công giáo viên hỗ trợ chuyên trách phổ cập điều tra số học sinh đi trường khác học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học từ năm học 2019-2020 đến thời điểm tự đánh giá đều đạt 99,8% trở lên [H5-5.1-01].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100% [H5-5.1-02].

c) Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100% [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học năm học 2019-2020 đến thời điểm tự đánh giá đều đạt 99,8% trở lên [H5-5.1-01].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100% [H5-5.1-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học năm học 2019-2020 đều đạt 99,8% trở lên. Tuy nhiên, vẫn còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học [H5-5.1-01].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường đều đạt trên 95% qua các năm học [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường đều đạt trên 95% qua các năm học.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, giáo viên chủ nhiệm tích cực rèn luyện, bồi dưỡng học sinh để không còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

- Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng quy định về chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Nhà trường chú trọng các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm tăng cường sức khỏe, rèn kỹ năng sống cho học sinh.

Nhà trường quan tâm đến công tác phổ cập giáo dục tiểu học, tạo mọi điều kiện để trẻ em trong độ tuổi đi học trong địa bàn đều được đến trường, có biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật học hòa nhập.

- Điểm yếu cơ bản

Một số phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn, lo kinh tế gia đình nên chưa quan tâm đến việc học của học sinh nên chất lượng học tập của một số học sinh chưa cao.

Kết quả đánh giá các tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Phần III KẾT LUẬN CHUNG

Trong quá trình hình thành và phát triển, cho đến nay nhà trường đã đạt rất nhiều thành tích. Đội ngũ quản lý có năng lực lãnh đạo tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có uy tín trong hội đồng sư phạm. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

Tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học theo tinh thần đổi mới; chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một nâng cao.

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 34, Mục 1, Chương IV Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng, Quận 3, tự đánh giá như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1:../.. tỉ lệ:%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1:../.. tỉ lệ:%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2:../.. tỉ lệ:%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2:../.. tỉ lệ:.....%

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 27/27, tỷ lệ:100%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/27, tỷ lệ:0%.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 25/27, tỷ lệ: 92,59%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 2/27, tỷ lệ: 7,41%.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 7/19, tỷ lệ: 36,8%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 12/19, tỷ lệ: 63,2%.

Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng tự đánh giá đạt: Mức 1

Trường Tiểu học Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

, Ngày 7 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025.	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025.	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025.			
	2	[H1-1.1-02]	Văn bản được công khai niêm yết công khai trên bản tin và website	http://thnguyenviethong.hcm.edu.vn	Phó Hiệu trưởng-Văn thư	Máy vi tính
	3	[H1-1.1-03]	Biên bản giám sát việc thực hiện phương hướng,	Giai đoạn 2015-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			chiến lược xây dựng và phát triển			
	4	[H1-1.1-04]	Hình ảnh niềm yết công khai kế hoạch chiến lược xây dựng, phát triển nhà trường.	Giai đoạn 2015-2020	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Trưởng phòng giáo dục và đào tạo Quận 3	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			khen thưởng			
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Sổ nghị quyết hội đồng trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Sổ họp hội đồng thi đua	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hội đồng thi đua khen thưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định Chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn	31/QĐ-LĐLĐ-Q3 ngày 23 tháng 9 năm 2017.	Liên đoàn lao động Quận 3	Ban chấp hành công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định Chuẩn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Đoàn phường 10	Chi đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			y Ban chấp hành Chi đoàn			
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định Chuẩn y Liên đội	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Quận đoàn 3	Tổng phụ trách đội
	4	[H1-1.3-04]	Sổ họp Công đoàn	Từ năm học 2017 – 2018	Chủ tịch Công đoàn	Ban chấp hành công đoàn
	5	[H1-1.3-05]	Sổ họp Liên Đội	đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết của Công đoàn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Chủ tịch Công đoàn	Ban chấp hành công đoàn
	7	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết của Chi đoàn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Báo cáo tổng kết	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			công tác Đội			
	9	[H1-1.3-09]	Kế hoạch hoạt động năm của Công đoàn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Chủ tịch Công đoàn	Ban chấp hành công đoàn
	10	[H1-1.3-10]	Kế hoạch hoạt động năm của Chi đoàn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
	11	[H1-1.3-11]	Kế hoạch hoạt động năm của Liên đội	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	12	[H1-1.3-12]	Quyết định chuẩn y Cấp ủy chi bộ.	04/QĐ-ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2020.	Bí thư Chi bộ	Hiệu trưởng
	13	[H1-1.3-13]	Sổ Nghị quyết Chi bộ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Bí thư Chi bộ	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
	14	[H1-1.3-14]	Báo cáo tổng kết Chi bộ	Từ năm 2018 đến năm 2022.	Bí thư Chi bộ	Hiệu trưởng
	15	[H1-1.3-15]	Giấy khen công nhận Chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Từ năm 2018 đến năm 2022.	Bí thư Chi bộ	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	35/QĐ-UBND, ngày 3 tháng 3 năm 2016.	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng 01	529/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng 02	343/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2017.	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
	4	[H1-1.4-04]	Quyết định thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	5	[H1-1.4-05]	Sổ họp tổ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch lên tiết chuyên đề, thao giảng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Báo cáo sơ kết cuối học kì.	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Báo cáo tổng kết hoạt động chuyên môn.	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Bảng phân công giáo viên, nhân	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			viên hằng năm			
	2	[H1-1.5-02]	Biên bản bình bầu ban cán sự lớp	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.5-03]	Hình ảnh các tiết học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Thư viện
	4	[H1-1.5-04]	Danh sách các lớp theo từng năm học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Văn thư
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Sổ theo dõi kiểm tra, đánh giá học sinh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Học bạ của học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên	Phòng văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			sinh		Văn thư	
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Sổ khen thưởng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	6	[H1-1.6-06]	Sổ công văn đi - đến	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	7	[H1-1.6-07]	Thẩm định quyết toán	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Phòng kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Sổ theo dõi tài sản	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Phòng kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Phòng Kế toán
	10	[H1-1.6-10]	Kế hoạch thực hiện	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Phòng Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			các khoản thu hằng năm của trường.			
	11	[H1-1.6-11]	Chương trình IMAS 8.0; Chương trình quản lí cán bộ công chức; Chương trình EPMIS; Cổng thông tin điện tử	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Máy vi tính
	12	[H1-1.6-12]	Biên bản kiểm tra kế toán nhà trường của phòng Tài	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Phòng Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			chính			
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	2	[H1-1.7-02]	Phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ tính phụ trội giáo viên	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Kế toán	Phòng Kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch dạy học của giáo viên	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu	1	[H1-	Văn	Từ năm học 2017 – 2018	Nhân	Phòng Hiệu

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
chí 1.9		1.9-01]	kiện Hội nghị cán bộ công chức viên chức	đến năm học 2021 – 2022	viên Văn thư	trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo kết quả Hội nghị cán bộ công chức viên chức	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Sổ tiếp công dân	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.9-04]	Sổ theo dõi góp ý	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng bảo vệ
	5	[H1-1.9-05]	Báo cáo tổng kết thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Công đoàn	Ban chấp hành công đoàn
	6	[H1-	Các	Từ năm học 2017 – 2018	Ban	Ban chấp

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
		1.9-06]	biên bản kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra nhân dân về thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường	đến năm học 2021 – 2022	Thanh tra nhân dân	hành công đoàn
	7	[H1-1.9-07]	Quy chế dân chủ 2018-2019	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Ban chấp hành công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an toàn trường học, an ninh trật tự	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Y tế	Phòng y tế
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phòng chống	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Y tế	Phòng y tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			tai nạn, thương tích			
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Y tế	Phòng y tế
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng chống thảm họa, thiên tai	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Y tế	Phòng y tế
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh và các tệ nạn xã hội	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Y tế	Phòng y tế
	6	[H1-1.10-06]	Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Cán bộ y tế	Phòng y tế
	7	[H1-	Hồ sơ	Từ năm học 2017 – 2018	Phó	Phòng kế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
		1.10-07]	học sinh khuyết tật	đến năm học 2021 – 2022	hiệu trưởng	toán
	8	[H1-1.10-08]	Biên bản tuyên truyền về an toàn thực phẩm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Cán bộ y tế	Phòng y tế
	9	[H1-1.10-09]	Biên bản tuyên truyền về an toàn phòng chống tai nạn thương tích	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Cán bộ y tế	Phòng y tế
	10	[H1-1.10-10]	Biên bản tuyên truyền về an toàn phòng chống cháy nổ	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Cán bộ y tế	Phòng y tế
	11	[H1-1.10-	Biên bản	Từ năm học 2017 – 2018	Cán bộ y tế	Phòng y tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
		11]	tuyên truyền về an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai	đến năm học 2021 – 2022		
	12	[H1-1.10-12]	Biên bản tuyên truyền về phòng chống bệnh dịch	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Cán bộ y tế	Phòng y tế
	13	[H1-1.10-13]	Biên bản phòng chống bạo lực học đường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Cán bộ y tế	Phòng y tế
	14	[H1-1.10-14]	Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng văn thư
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			trưởng, phó hiệu trưởng			
	2	[H2-2.1-02]	Văn bằng bồi dưỡng Cán bộ quản lý trường tiểu học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	3	[H2-2.1-03]	Giấy chứng nhận trình độ lý luận chính trị của Hiệu trưởng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	4	[H2-2.1-04]	Giấy chứng nhận trình độ lý luận chính trị của phó hiệu trưởng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Văn bằng của	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn	Phòng văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			giáo viên		thư	
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá giáo viên, nhân viên hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Bảng tổng kết đánh giá phân loại cán bộ công chức, viên chức hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Văn bản của nhân viên	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	2	[H2-2.3-02]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			ngũ.			
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách học sinh lớp 1 hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Thống kê chất lượng giáo dục tiểu học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H2-2.4-03]	Kế hoạch thành lập câu lạc bộ năng khiếu	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H2-2.4-04]	Danh sách học sinh nhận quà, học bổng, thẻ bảo hiểm y tế	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Tổ phụ trách Đội
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Sơ đồ tổng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			thể của nhà trường		Thiết bị	
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp khuôn viên nhà trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	3	[H3-3.1-03]	Ảnh chụp cổng trường, bảng tên trường, tường rào	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	4	[H3-3.1-04]	Ảnh chụp sân chơi, sân tập	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	5	[H3-3.1-05]	Danh mục thiết bị dùng chung - thể dục	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Ảnh chụp các phòng học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
	2	[H3-3.2-02]	Ảnh chụp bàn ghế học sinh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	3	[H3-3.2-03]	Ảnh chụp bảng lớp	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	4	[H3-3.2-04]	Sổ thống kê cơ sở vật chất nhà trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng kế toán
	5	[H3-3.2-05]	Sổ theo dõi mượn trả của thiết bị	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Ảnh chụp các phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			giáo dục, phòng truyền thống và phòng Đội			
	2	[H3-3.3-02]	Danh mục các loại thuốc thiết yếu nhà trường hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	TTYT Quận 3	Phòng y tế
	3	[H3-3.3-03]	Ảnh chụp khu đỗ xe	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	4	[H3-3.3-04]	Ảnh chụp nhà ăn	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
	5	[H3-3.3-05]	Ảnh chụp phòng văn thư	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Ảnh chụp khu vệ sinh của nhà	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Thiết bị	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			trường			
	2	[H3-3.4-02]	Giấy chứng nhận nguồn nước đảm bảo vệ sinh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng nước đóng chai	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	4	[H3-3.4-04]	Ảnh chụp thùng rác	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	5	[H3-3.4-05]	Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom chất thải rắn (rác) sinh hoạt, y tế	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên y tế	Phòng y tế
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Sổ thiết bị giáo dục	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
					viện	
	2	[H3-3.5-02]	Kế hoạch mua sắm đồ dùng dạy học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	3	[H3-3.5-03]	Kế hoạch hội thi giáo viên tự làm đồ dùng dạy học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	4	[H3-3.5-04]	Bảng tổng hợp báo cáo sử dụng đồ dùng dạy học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	5	[H3-3.5-05]	Hợp đồng dịch vụ sử dụng Internet	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Kế toán	Phòng kế toán
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách tham khảo, nghiệp	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			vụ, thiếu nhi, báo, tạp chí			
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động thư viện hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Lịch mở cửa thư viện, sổ theo dõi bạn đọc hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Ảnh chụp thư viện xanh ngoài trời	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Biên bản kiểm kê sách hằng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			năm			
	6	[H3-3.6-06]	Danh mục sách bổ sung hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	7	[H3-3.6-07]	Báo cáo kiểm tra công nhận thư viện đạt chuẩn hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	8	[H3-3.6-08]	Giấy chứng nhận thư viện hằng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện
	9	[H3-3.6-09]	Hình ảnh giáo viên, học sinh sử dụng tivi, máy	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên thư viện	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			tính tại thư viện			
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Quyết định công nhận của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Báo cáo về hoạt động Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-04]	Biên bản các	Từ năm học 2017 – 2018	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			cuộc họp Cha mẹ học sinh các lớp	đến năm học 2021 – 2022		
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản họp giữa Ban đại diện Cha mẹ học sinh và nhà trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H4-4.1-06]	Kế hoạch tuyển sinh.	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Quy chế phối hợp việc thực hiện an ninh, trật tự	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên Văn thư	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch hoạt động của chi	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			hội khuyến học			
	3	[H4-4.2-03]	Kế hoạch phát triển Đảng viên	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Bí thư Chi bộ	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-04]	Kế hoạch thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Chủ tịch Công đoàn	Ban chấp hành công đoàn
	5	[H4-4.2-05]	Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách	Phòng phó hiệu trưởng
	6	[H4-4.2-06]	Kế hoạch tổ chức các hội	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			thi (văn nghệ, nét vẽ xanh, thể dục thể thao...)			
	7	[H4-4.2-07]	Kế hoạch thăm mẹ Việt Nam anh hùng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Sổ sinh hoạt chuyên môn trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thời khóa biểu	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch bồi dưỡng	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
			và phụ đạo học sinh			
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch sinh hoạt kỹ năng sống	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch tổ chức hội thi kể chuyện cấp trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Thư viện	Phòng thư viện
	3	[H5-5.3-03]	Danh sách học sinh tham dự sinh hoạt kỹ năng sống	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
	4	[H5-5.3-04]	Báo cáo kết quả thực hiện hội thi kể chuyện	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Thư viện	Phòng thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
	5	[H5-5.3-05]	Danh sách khen thưởng học sinh tham gia các hoạt động	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Văn thư	Phòng văn thư
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học.	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phổ cập	Phòng văn thư
	2	[H5-5.4-02]	Các văn bản chỉ đạo công tác phổ cập	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phổ cập	Phòng văn thư
	3	[H5-5.4-03]	Bảng tổng hợp kết quả giáo dục.	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Báo cáo tổng kết năm học	Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H5-	Danh	Từ năm học 2017 – 2018	Phó	Phòng phó

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Ghi chú (nơi lưu trữ)	Vị trí cụ thể
		5.5-02]	sách học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	đến năm học 2021 – 2022	hiệu trưởng	hiệu trưởng

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trí Dũng